| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN BẮC QUANG**<br>**TỈNH HÀ GIANG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc** |

Bản án số: 05/2020/HS-ST
Ngày 03-3-2020

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẮC QUANG, TỈNH HÀ GIANG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa:* Ông Hà Tuấn Vĩnh

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông: Nguyễn Hồng Diện

Bà: Nguyễn Thị Oanh

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Vũ Thị Minh Huệ - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang tham gia phiên tòa:*** Ông Vi Lương Quỳnh - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 3 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 01/2020/TLST-HS ngày 07 tháng 01 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2020/QĐXXST-HS ngày 14 tháng 02 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 02/2020/HSST-QĐ ngày 26 tháng 02 năm 2020 đối với các bị cáo:

**1. Bàn Văn T**, sinh năm 2001 tại huyện Q, tỉnh G. Nơi cư trú: Thôn P, xã H, huyện Q, tỉnh G; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 7/12; dân tộc: Dao; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bàn Văn E, sinh năm 1981 và bà Lý Thị H, sinh năm 1981; vợ, con: chưa có; Tiền án, tiền sự, nhân thân: Không;

Bị cáo bị bắt, tạm giữ từ ngày 28/9/2019. Hiện đang bị tạm giam. Có mặt.

**2. Trương Văn V**, sinh năm 1997 tại huyện Q, tỉnh G. Nơi cư trú: Thôn Khuổi I, xã H, huyện Q, tỉnh G; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: Không; dân tộc: Cờ Lao; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trương

Văn D, sinh năm 1960 (đã chết) và bà Lù Thị X, sinh năm 1974; có vợ là: Phạm Thị N, sinh năm 1998, con: chưa có; Tiền án, tiền sự, nhân thân: Không;

Bị cáo bị bắt, tạm giữ từ ngày ngày 28/9/2019. Hiện đang bị tạm giam. Có mặt.

- *Bị hại:* Ông Lý Văn S, sinh năm 1973, nơi cư trú: Thôn B, xã T, huyện Y, tỉnh Q. Có mặt.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

+ Bà Trương Thị T1, sinh năm 1996; nơi cư trú: Thôn T, xã T, huyện Q, tỉnh G. Có mặt.

+ Bà Lý Thị H, sinh năm 1981; nơi cư trú: Thôn P, xã H, huyện Q, tỉnh G. Có mặt.

- *Người làm chứng:*

+ Anh Lý Văn H1. Vắng mặt lần hai.

+ Chị Hoàng Khánh L. Vắng mặt lần hai.

+ Anh Triệu Văn G. Có mặt.

+ Anh Vàng Diu K. Có mặt.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 21 giờ, ngày 26/9/2019, Trương Văn V, sinh năm 1997, trú tại thôn Khuổi I, xã H, huyện Q, tỉnh G cùng Bàn Văn T, sinh ngày 12/3/2001, trú tại thôn P, xã H, huyện Q uống bia tại quán của anh Lý Văn H1, sinh năm 2002, trú tại thôn P, xã H, huyện Q, tỉnh G thì có ông Lý Văn S, sinh năm 1973, trú tại thôn B, xã T, huyện Y, tỉnh Q điều khiển xe mô tô BKS: 22B2 – 000.71 đến quán của H1 trong tình trạng say rượu hỏi đường đi đến bến đò I, xã H để đi xã T, huyện Y, tỉnh Q. Sau đó, ông S ngồi ghế hút thuốc lào làm tàn thuốc và nước điếu bắn vào vai áo của V nên hai người xảy ra mâu thuẫn. V cầm lon bia đang uống dở đổ lên đầu ông S và dùng tay phải tát một nhát vào phía sau đầu của S, thấy vậy H1, T vào can ngăn. T điều khiển xe mô tô BKS: 22B2 – 000.71 chở ông S đi ra bến đò I. Còn V do còn bực tức chuyện bị ông S hút thuốc lào bắn tàn thuốc và nước điếu vào người nên điều khiển xe mô tô BKS: 23D1 – 277.17 (là xe mô tô của Trương Thị T1, sinh năm 1996 là chị gái của V cho mượn từ năm 2017) đuổi theo sau. Khi V điều khiển xe mô tô BKS: 23D1 – 277.17 đến cách bến đò khoảng 300m thuộc địa phận thôn I, xã H, huyện Q thì gặp T đang dừng xe để đi vệ sinh, V điều khiển xe mô tô chặn trước đầu xe của S, rồi tiến đến chỗ ông S dùng tay trái túm cổ áo của ông S đồng thời

dùng tay phải tát hai phát vào mặt ông S, vừa tát V vừa nói *"Lần sau sang đây đừng có láo nữa",* ông S dùng hai tay đẩy V làm V bị ngã ngửa về sau. Thấy V bị ông S đẩy ngã, T lao vào vật ông S ngã xuống đất, T dùng hai tay kéo ông S đứng dậy, đồng thời T dùng đầu gối chân phải thúc 01 nhát vào vùng ngực của ông S làm ông S ngã xuống đường, sau đó T dùng chân phải đạp một nhát trúng vào mạng sườn bên trái của S. Lúc này, V đứng dậy, dùng tay phải giật chiếc mũ bảo hiểm ông S đang cầm trên tay đập hai nhát hướng từ trên xuống dưới trúng vào vùng đầu của ông S làm đầu ông S bị chảy máu. Sau đó V vứt mũ bảo hiểm xuống đất. Lúc này, T thấy ông S bị chảy nhiều máu ở vùng đầu nên rủ V đi về. T điều khiển xe mô tô BKS: 23D1 – 277.17 chở V phía sau đi hướng ra đường Quốc lộ II, đi được khoảng 50m thì T có hỏi V *"Mày có được lấy gì của ông ấy không"* V trả lời là *"Không"* T nói tiếp *"Vậy bây giờ tao với mày quay lại xem ông ấy như thế nào"*. Nói xong T điều khiển xe quay lại vị trí lúc trước đã đánh S. Qua ánh đèn xe mô tô, T và V nhìn thấy S đang đứng phía bên phải đường (hướng đi ra bến đò I), tay phải ôm đầu, trên cổ ông S có đeo một dây chuyền bằng kim loại màu trắng bạc nên nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản. T điều khiển xe mô tô BKS: 23D1 – 277.17 đi qua vị trí ông S đứng sau đó vòng xe quay lại, trong lúc quay T bảo với V là *"Mày giật dây chuyền đi"*, V trả lời *"Có bõ giật không",* T nói tiếp *"Mày cứ giật đi"*. T điều khiển xe mô tô BKS: 23D1 – 277.17 đến cách vị trí S đang đứng khoảng 50cm, V dùng tay trái giật sợi dây chuyền của ông S đang đeo ở trên cổ (lúc này cả T và V đều ngồi trên xe mô tô BKS: 23D1 – 277.17). Sau khi V giật được dây chuyền T nhanh chóng điều khiển xe mô tô BKS: 23D1 – 277.17 đi ra hướng đường Quốc lộ II. Khi đến quán nhà H1, T dừng lại để cho V rửa tay và lấy áo khoác rồi V lấy sợi dây chuyền vừa cướp giật được của ông S cho T xem. Sau đó T tiếp tục điều khiển xe mô tô chở V đi ra đường Quốc lộ II, trên đường đi V lấy sợi dây chuyền đút vào túi quần bên trái của T. Khi đến quán điện tử của ông Đoàn Xuân Q, sinh năm 1954, thuộc thôn B, xã A, T dừng xe rồi đưa lại sợi dây chuyền cho V và dặn V cất cẩn thận, để mấy hôm nữa mọi việc im ắng thì tính tiếp. Sau đó, T vào quán ông Q chơi điện tử, V điều khiển xe mô tô đi về nhà, cất sợi dây chuyền vào trong túi áo mưa ở đầu giường ngủ. Tại Cơ quan điều tra T, V khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Trương Văn V giao nộp sợi dây chuyền cướp giật được của ông S ngày 26/9/2019 cho Cơ quan điều tra.

Còn ông S, sau khi bị cướp giật tài sản thì được anh Triệu Văn G, sinh năm 1987, trú tại thôn I, xã H, huyện Q đưa đi trạm y tế xã T, huyện Y, tỉnh Q sơ cứu.

Tại Kết luận số: 5816/C09-P401 ngày 14/10/2019 của Viện khoa học hình sự Bộ Công an kết luận:

*"01 (một) sợi dây chuyền bằng kim loại màu trắng bạc được chế tác dạng các mắt xích hình tròn nối với các mắt xích dài, dẹt (ký hiệu A) gửi giám định có tổng khối lượng là 53,14 gam, gồm các phần:*

*Phần các mắt xích tròn đều là bạc (Ag), hàm lượng trung bình Ag: 97,76%.*

*Phần móc khóa và các mắt xích dài, dẹt đều là hợp kim của bạc (Ag), kẽm (Zn), đồng (Cu); hàm lượng trung bình Ag: 68,37%; Zn: 24,58%; Cu: 7,05%".*

Tại Kết luận số: 68/KL-HĐĐG ngày 11/11/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Bắc Quang kết luận: *"01 (một) dây chuyền (kim loại bạc) được chế tác dạng các mắt xích hình tròn, nối với các mắt xích dài, dẹt, trọng lượng 53,14 gam. Nay được xác định với giá: 2.990.000đ (Hai triệu chín trăm chín mươi nghìn đồng)".*

Tại Bản kết luận giám định pháp y tH tích số: 118/TgT ngày 28/10/2019 của Trung tâm pháp y tỉnh Hà Giang, kết luận:

***1. Dấu hiệu chính qua giám định:***

*- Sẹo 1 (vùng đỉnh bên trái kích thước dài 1,7 cm, rộng 0,2 cm, sẹo màu hồng, bằng mặt da,không ảnh hưởng đến thẩm mỹ); sẹo 2 (vùng đỉnh phải kích thước dài 2 cm, rộng 0,2 cm, sẹo màu hồng, bằng mặt da, không ảnh hưởng đến thẩm mỹ): 2%;*

*- Dị vật cản quang mềm vùng đỉnh trái: 1%.*

***2. Căn cứ Bảng tỷ lệ tổn thương cơ thể ban hành kèm Thông tư 20/2014/TT-BYT, ngày 12/6/2014 của Bộ Y tế tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên của Lý Văn S tại thời điểm giám định là: 03% (Ba phần trăm).***

***3. Cơ chế hình thành vết thương – vật gây thương tích:***

*Sẹo 1, sẹo 2: Do vật tày tác động một lực mạnh hoặc có vật cản, hướng từ trên xuống dưới trên nền xương cứng gây rách da, không tổn thương xương.*

***4. Kết luận khác:***

*- Theo hồ sơ Bệnh án của Trung tâm y tế huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang, số vào viện 2154; Vào viện ngày 27/9/2019. Kết quả chụp Xquang cùng ngày: Gãy xương sườn X bên trái.*

*- Kết quả CT-Scaner lồng ngực ngày 23/10/2019 khi đến khám giám định: Gãy cung xương sườn 6, 7 bên trái.*

*Do vậy gãy xương sườn không đủ căn cứ để xếp tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể./.*

- Do thương tích tại xương sườn bên trái của ông Lý Văn S giữa bệnh án của Trung tâm y tế huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang và kết quả CT-Scaner của Trung

tâm pháp y tỉnh Hà Giang không đồng nhất nên ngày 12/11/2019 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bắc Quang cùng với Trung tâm y tế huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang tiến xác định lại thương tích của ông Lý Văn S kết quả xác định ông S gãy cũ xương sườn 6, 7 bên trái đang can, gãy rạn xương sườn 10 trái cũ.

Tại Bản kết luận giám định pháp y thương tích bổ sung số: 138/TgT ngày 19/11/2019 của Trung tâm pháp y tỉnh Hà Giang, kết luận:

***1. Dấu hiệu chính qua giám định:***

*Gãy cung bên xương sườn 6, 7, 10 bên trái can tốt.*

*2.* ***Căn cứ Bảng tỷ lệ tổn thương cơ thể ban hành kèm Thông tư 20/2014/TT-BYT, ngày 12/6/2014 của Bộ Y tế tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên của Lý Văn S tại thời điểm giám định là: 6% (Sáu phần trăm)****.*

***3. Cơ chế hình thành vết thương – vật gây thương tích:***

*Gãy cung bên xương sườn 6, 7, 10 bên trái: Do vật tày tác động một lực mạnh hoặc có vật cản hướng vuông góc với trục cơ thể gây nên gãy cung bên xương sườn 6, 7, 10 bên trái, không gây tổn thương da.*

Với nội dung trên, tại Cáo trạng số 06/CT-VKS-BQ ngày 06 tháng 01 năm 2020, Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Quang truy tố Bàn Văn T và Trương Văn V về tội: Cướp giật tài sản, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm d khoản 2 Điều 171 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, các bị cáo Bàn Văn T và Trương Văn V đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung của bản cáo trạng đã nêu.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Quang vẫn giữ nguyên quan điểm về tội danh đã truy tố đối với Bàn Văn T và Trương Văn V theo bản cáo trạng.

Về hình phạt: Đề nghị áp dụng điểm d khoản 2 Điều 171, Điều 38, Điều 58, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Bàn Văn T: từ 04 (Bốn) năm đến 04 (Bốn) năm 06 (Sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ (ngày 28/9/2019); xử phạt bị cáo Trương Văn V: từ 03 (Ba) năm đến 03 (Ba) năm 06 (Sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ (ngày 28/9/2019).

Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo không có việc làm và thu nhập ổn định, không có tài sản riêng có giá trị nên không đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo. Các bị cáo phải chịu án phí theo quy định.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu gì, do vậy không đề cập xử lý.

Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật hình sự, Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét xử lý theo quy định của pháp luật.

Phần tranh luận, các bị cáo nhất trí với điều luật, tội danh và mức hình phạt mà Kiểm sát viên đã áp dụng và đề nghị trong bản luận tội.

Lời nói sau cùng: Các bị cáo đề nghị hội đồng xét xử xem xét cho hưởng mức án thấp nhất để các bị cáo có cơ hội sửa chữa lỗi lầm trở thành người công dân có ích cho xã hội và đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

## NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra, Viện kiểm sát, Điều tra viên, Kiểm sát viên của huyện Bắc Quang trong quá trình khởi tố, điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục của Bộ luật Tố tụng hình sự quy định. Giai đoạn điều tra cũng như tại phiên toà những người tham gia tố tụng trong vụ án không có ý kiến, khiếu nại gì về hành vi, quyết định của các cơ quan, người tiến hành tố tụng. Do đó các chứng cứ, tài liệu đã thu thập có trong hồ sơ vụ án là hợp pháp.

Về sự vắng mặt của người làm chứng: Tại phiên tòa người làm chứng vắng mặt lần hai, nhưng trước đó họ đã có lời khai ở Cơ quan điều tra. Căn cứ Điều 293 của Bộ luật Tố tụng hình sự, xét thấy sự vắng mặt của họ không gây trở ngại cho việc giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử quyết định vẫn tiến hành xét xử.

[2] Về căn cứ định tội, định khung hình phạt: Lời khai nhận tội của các bị cáo Bàn Văn T, Trương Văn V tại phiên tòa hoàn toàn phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với các tài liệu như: Biên bản, sơ đồ và bản ảnh khám nghiệm hiện trường ngày 27/9/2019; Biên bản, sơ đồ và bản ảnh xác định hiện trường ngày 13/12/2019; Bản kết luận giám định pháp y thương tích ngày 28/10/2019; Bản kết luận giám định pháp y thương tích bổ sung ngày 19/11/2019; Bản kết luận giám định đối với dây chuyền bạc ngày 14/10/2019; Bản kết luận định giá tài sản ngày 11/11/2019; lời khai của người bị hại, người làm chứng cùng các chứng cứ, tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 21 giờ ngày 26/9/2019 tại thôn I, xã H, huyện Q Bàn Văn T, sinh ngày 12/3/2001, trú tại thôn P, xã H, huyện Q, tỉnh G điều khiển xe mô

tô BKS: 23D1 – 277.17 chở phía sau Trương Văn V, sinh năm 1997, trú tại thôn I, xã H, huyện Q thực hiện hành vi cướp giật 01 sợi dây truyền bạc có trị giá 2.990.000đ *(Hai triệu chín trăm chín mươi nghìn đồng)* của ông Lý Văn S, sinh năm 1973, trú tại thôn B, xã T, huyện Y, tỉnh Q.

Hành vi của các bị cáo đã phạm tội "Cướp giật tài sản" tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm d khoản 2 Điều 171 của Bộ luật hình sự.

**Điều 171 Bộ luật hình sự quy định tội Cướp giật tài sản:**

*1. Người nào cướp giật tài sản của người khác, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm.*

*2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 03 năm đến 10 năm:*

*a) ...*

*d) Dùng thủ đoạn nguy hiểm…*

Hành vi phạm tội mà các bị cáo đã gây ra là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác là khách thể được pháp luật hình sự Việt Nam bảo vệ. Đồng thời còn làm mất trật tự trị an tại địa phương, gây lo lắng cho quần chúng nhân dân trong việc quản lý tài sản. Các bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật, nhưng các bị cáo vẫn cố ý thực hiện, các bị cáo đã lợi dụng sự sơ hở của người bị hại để cướp giật tài sản nhằm mục đích phục vụ chi tiêu cá nhân. Do vậy cần phải xử lý các bị cáo với mức án nghiêm khắc tương xứng với tính chất mức độ hành vi phạm tội mà các bị cáo đã gây ra để giáo dục các bị cáo nói riêng và phòng ngừa chung.

Trong vụ án này Bàn Văn T và Trương Văn V cùng cố ý thực hiện một tội phạm, hành vi phạm tội của các bị cáo thuộc trường hợp đồng phạm giản đơn và trong vụ án này bị cáo Bàn Văn T là người khởi xướng. Bị cáo T điều khiển xe mô tô chở V ngồi sau và bảo với V giật dây truyền của ông S, sau đó V dùng tay trái giật sợi dây chuyền của ông S đang đeo ở trên cổ. Do vậy bị cáo Bàn Văn T phải chịu mức hình phạt cao hơn bị cáo Trương Văn V.

Trước khi thực hiện hành vi cướp giật tài sản, Trương Văn V có hành vi dùng mũ bảo hiểm gây thương tích cho ông Lý Văn S với tỷ lệ thương tích là 3% và Bàn Văn T có hành vi gây thương tích cho ông Lý Văn S tỷ lệ thương tích là 6%, thuộc trường hợp khởi tố theo yêu cầu bị hại, nhưng trong giai đoạn điều tra ông Lý Văn S có đơn đề nghị không yêu cầu khởi tố nên ngày 12/12/2019 Công an huyện Bắc Quang đã ban hành Quyết định số 949, 950 xử phạt vi phạm hành chính đối với Bàn Văn T, Trương Văn V mỗi bị cáo 2.500.000đ *(Hai triệu năm trăm*

*nghìn đồng)* về hành vi xâm hại đến sức khỏe của người khác là có căn cứ nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Như vậy, Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Quang truy tố các bị cáo Bàn Văn T và Trương Văn V về tội "Cướp giật tài sản" theo điểm d khoản 2 Điều 171 của Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân và hình phạt đối với các bị cáo:

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị hại Lý Văn S có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo, trước khi mở phiên tòa gia đình các bị cáo đã tự nguyện bồi thường cho bị hại, đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

[4] Về hình phạt bổ sung: Do các bị cáo hoàn cảnh kinh tế khó khăn, không có thu nhập ổn định. Do vậy, không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[5] Về dân sự: Sau khi sự việc xảy ra gia đình bị cáo Bàn Văn T và Trương Văn V đã tự nguyện thay các bị cáo bồi thường liên quan đến hành vi gây thương tích và hành vi cướp giật dây truyền của các bị cáo cho bị hại Lý Văn S với tổng số tiền là 25.000.000 đồng *(Hai mươi lăm triệu đồng)*. Bị hại không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường gì thêm, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu các bị cáo phải trả lại khoản tiền đã thay các bị cáo bồi thường cho bị hại nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[6] Về xử lý vật chứng:

- Đối với 01 phong bì thư dán kín, niêm phong bởi dấu tròn đỏ của Viện khoa học hình sự Bộ Công an và các chữ ký của Ngô Công H2 và Hoàng Xuân V bên trong đựng 01 (một) dây truyền bằng kim loại màu trắng gồm các mắt xích hình tròn đan xen với mắt xích hình chữ nhật, có tổng khối lượng còn lại là 53,1 gam. Đây là tài sản thuộc sở hữu của bị hại Lý Văn S, trị giá 2.990.000đ *(Hai triệu chín trăm chín mươi nghìn đồng)*. Tuy nhiên quá trình điều tra, gia đình các bị cáo đã tự nguyện bồi thường cho bị hại Lý Văn S số tiền trị giá chiếc giây kim loại này, bị hại không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường gì thêm và cũng không yêu cầu trả lại tài sản bị cướp, tại phiên tòa bị cáo Trương Văn V không yêu cầu nhận lại chiếc giây kim loại đã cướp của bị hại S và đề nghị trả lại chiếc giây kim loại đã cướp cho bị cáo Bàn Văn T, bị cáo Bàn văn T xin Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo xin được nhận lại chiếc

giây kim loại đã cướp của bị hại S để bị cáo được sử dụng. Xét thấy tài sản mà các bị cáo đã cướp của bị hại, trước khi mở phiên tòa gia đình các bị cáo đã bồi thường xong cho bị hại, bị hại không đề nghị trả lại tài sản mà các bị cáo đã cướp của bị hại, gia đình các bị cáo bồi thường thay cho các bị cáo không yêu cầu các bị cáo phải hoàn trả gì, bị cáo V không đề nghị được nhận lại tài sản đã cướp và đề nghị Hội đồng xét xử trả tài đã cướp cho bị cáo Bàn Văn T. Do vậy, cần trả chiếc giây dây truyền bằng kim loại nói trên cho bị cáo Bàn Văn T.

- Đối với 01*(Một)* Xe mô tô nhãn hiệu SM, màu sơn: Đen - Đỏ, BKS: 23D1 – 277.17, số khung: 10SHGH000057; số máy: MSACHH000057, tình trạng xe: xe cũ đã qua sử dụng; không có gương chiếu hậu; Yếm trai, phải bị gẫy, vỡ; Dẫm chân chính bên trái, phải bị cong vênh; Không có ốp bảo vệ ống xả, không có hộp xích; Không có chìa khóa điện; khóa cốp xe không có tác dụng; Yên xe bị rách. 01 *(Một)* Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số: 013515, tên chủ xe: Trương Thị T1, SN: 1996, Địa chỉ: Thôn T, H, Q, G, Biển số đăng ký: 23D1 – 277.17, do Công an huyện Bắc Quang cấp ngày 25/4/2017. Xét thấy Trương Văn V mượn của chị Trương Thị T1 từ năm 2017, sau đó sử dụng vào việc cướp dây truyền của ông S, sự việc này chị T1 không biết, xác định chiếc xe của chị T1 không liên quan đến vụ án, đây là tài sản hợp pháp của chị Trương Thị T1 nên cần trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp là chị Trương Thị T1.

- Đối với 01 *(Một)* Mũ bảo hiểm màu tím, nhãn hiệu: Amby HELMET, đã bị bung bật phần ốp giữ kính chắn gió, kính bị vỡ thành hai mảnh, mũ cũ đã qua sử dụng. 01 *(Một)* Ốp nhựa mặt sau điện thoại di động, màu xanh, mặt sau có in chữ itel, vỏ điện thoại cũ đã qua sử dụng. 01 *(Một)* Chân dép bên trái dạng tổ ong, màu trắng ngà, cỡ dép LL, phần mũi dép đã bị cắt chéo có hình tam giác, trên dép có bám dính chất màu nâu đen nghi là máu, dép cũ đã qua sử dụng. 04 *(Bốn)* Gói ni lông màu trong suốt bên trong có chứa bông thấm chất màu nâu nghi máu thu giữ được tại hiện trường ký hiệu: 2, 5, 6, 7. Các vật chứng trên liên quan đến hành vi phạm tội và không có giá trị sử dụng nên cần tịch thu, tiêu hủy.

[7] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm d khoản 2 Điều 171, Điều 38, Điều 58, Điều 47, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự; Điều 106, khoản 2 Điều 136, Điều 331, Điều 333 và Điều 337 của Bộ luật Tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố: Bị cáo Bàn Văn T và bị cáo Trương Văn V phạm tội "Cướp giật tài sản".

2. Hình phạt: Xử phạt bị cáo Bàn Văn T 04 (Bốn) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ (ngày 28/9/2019). Xử phạt bị cáo Trương Văn V 03 (Ba) năm 06 (Sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ (ngày 28/9/2019).

không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

3. Về xử lý vật chứng:

Tịch thu và tiêu hủy: 01 *(Một)* Mũ bảo hiểm màu tím, nhãn hiệu: Amby HELMET, đã bị bung bật phần ốp giữ kính chắn gió, kính bị vỡ thành hai mảnh, mũ cũ đã qua sử dụng; 01 *(Một)* Ốp nhựa mặt sau điện thoại di động, màu xanh, mặt sau có in chữ itel, vỏ điện thoại cũ đã qua sử dụng; 01 *(Một)* Chân dép bên trái dạng tổ ong, màu trắng ngà, cỡ dép LL, phần mũi dép đã bị cắt chéo có hình tam giác, trên dép có bám dính chất màu nâu đen nghi là máu, dép cũ đã qua sử dụng; 04 *(Bốn)* Gói ni lông màu trong suốt bên trong có chứa bông thấm chất màu nâu nghi máu thu giữ được tại hiện trường ký hiệu: 2, 5, 6, 7.

Trả lại cho bị cáo Bàn Văn T: 01 (một) dây chuyền bằng kim loại màu trắng gồm các mắt xích hình tròn đan xen với mắt xích hình chữ nhật, có tổng khối lượng còn lại là 53,1 gam đựng bên trong phong bì thư dán kín, niêm phong bởi dấu tròn đỏ của Viện khoa học hình sự Bộ Công an và các chữ ký của Ngô Công H2 và Hoàng Xuân V.

Trả lại cho chị Trương Thị T1: 01*(Một)* Xe mô tô nhãn hiệu SM, màu sơn: Đen - Đỏ, BKS: 23D1 – 277.17, số khung: 10SHGH000057, số máy: MSACHH000057, tình trạng xe: xe cũ đã qua sử dụng, không có gương chiếu hậu, Yếm trai, phải bị gẫy, vỡ, dẫm chân chính bên trái, phải bị cong vênh, không có ốp bảo vệ ống xả, không có hộp xích, không có chìa khóa điện, khóa cốp xe không có tác dụng, yên xe bị rách; 01 *(Một)* Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số: 013515, tên chủ xe: Trương Thị T1, SN: 1996, Địa chỉ: T, H, Q, G, Biển số đăng ký: 23D1 – 277.17, do Công an huyện Bắc Quang cấp ngày 25/4/2017.

*(Tình trạng vật chứng như biên bản giao nhận vật chứng giữa cơ quan công an huyện Bắc Quang và Chi cục thi hành án dân sự huyện Bắc Quang ngày 09-01-2020).*

4. Về án phí: Bị cáo Bàn Văn T và bị cáo Trương Văn V mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (*Hai trăm nghìn đồng)* án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

*"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân dự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6,7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".*

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

***Nơi nhận:***
- TAND tỉnh Hà Giang;
- VKSND tỉnh Hà Giang;
- VKSND huyện BQ;
- Công an huyện BQ;
- Chi cục THADS huyện BQ;
- Bị cáo;
- Bị hại, Người có QL&NVLQ;
- Lưu: HS, THA phạt tù.

**Hà Tuấn Vĩnh**